

Bản án số: 39/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 28/3/2019

“Về việc yêu cầu ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYỀN MỘC, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Đoàn Thị Mến

- Ông Dương Đình Luật

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Thị Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuyền Mộc

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyền Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đình Rur - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuyền Mộc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 385/2018/TLST-HNGĐ ngày 28/8/2018 về việc: *“Yêu cầu ly hôn”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2019/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Kim N, sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh BR - VT.

Bị đơn: Ông Hồ Văn N, sinh năm 1981 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh BR - VT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 13/8/2018, bản khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Trần Thị Kim N trình bày:

Về hôn nhân: Bà Trần Thị Kim N và ông Hồ Văn N chung sống với nhau từ năm 1999, đến năm 2001 mới tiến hành đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện B, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai mai mối hay ép buộc. Trước khi kết hôn bà N và ông N có thời gian tìm hiểu nhau và được hai bên gia đình đồng ý tổ chức lễ cưới.

Sau khi kết hôn, bà N và ông N chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn trầm trọng và kéo dài cho đến ngày hôm nay.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống từ đó vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Giữa hai vợ chồng không còn tiếng nói chung, vợ chồng mỗi lần gặp nhau là cãi vã nhau và nặng lời với nhau. Việc này bà N và ông N đã nhiều lần ngồi lại tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không được.

Từ đầu năm 2018 cho đến nay bà N và ông N sống ly thân nhau, không còn quan hệ gì về mọi mặt từ kinh tế cho đến chuyện tình cảm, bà N đã về nhà ba mẹ ruột của bà N sinh sống.

Nay bà N xét thấy tình cảm vợ chồng giữa bà N và ông N thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà N được ly hôn với ông N.

Về con chung: Bà Trần Thị Kim N và ông Hồ Văn N có 02 con chung là Hồ Văn T, sinh ngày: 21/11/2000 và Hồ Ngọc P, sinh ngày: 05/12/2010. Cháu T hiện nay đã trưởng thành, riêng cháu P đang sống cùng với bà N. Bà N có nguyện vọng nuôi cháu P và không yêu cầu ông N phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà Trần Thị Kim N và ông Hồ Văn N tự thỏa T nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Trần Thị Kim N và ông Hồ Văn N không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại bản khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Hồ Văn N trình bày:

Ông Hồ Văn N và bà Trần Thị Kim N chung sống với nhau từ năm 1999, đến năm 2001 mới đăng ký kết hôn theo quy định. Hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai mai mối hay ép buộc. Trước khi kết hôn ông N và bà N có thời gian tìm hiểu nhau và được hai bên gia đình đồng ý tổ chức lễ cưới.

Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và kéo dài cho đến ngày hôm nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, việc này ông N và bà N đã cố gắng khắc phục nhiều lần nhưng không được. Tuy nhiên, theo ông N đây chỉ là mâu thuẫn nhỏ có thể hàn gắn được.

Ông N xác định từ đầu năm 2018 cho đến nay, ông N và bà N sống ly thân nhau không còn quan hệ gì về mọi mặt, hiện nay bà N đang sống ở nhà ba mẹ ruột của bà N.

Nay bà N yêu cầu ly hôn thì ông N không đồng ý vì ông N vẫn còn tình cảm với bà N.

Về con chung: Ông Hồ Văn N và bà Trần Thị Kim N có 02 con chung là Hồ Văn T, sinh ngày: 21/11/2000 và Hồ Ngọc P, sinh ngày: 05/12/2010. Cháu T đã trưởng thành, còn cháu P đang sống cùng với bà N. Nếu ly hôn thì ông N đồng ý giao cháu P cho bà N nuôi dưỡng, ông N không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông N và bà N tự thỏa T nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông N và bà N không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

*** *Phát biểu của Kiểm sát viên:***

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định pháp luật. Đối với các đương sự, nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Tuy nhiên, về thời hạn xét xử vẫn còn vi phạm vẫn còn vi phạm đề nghị rút kinh nghiệm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Trần Thị Kim N được ly hôn ông Hồ Văn N. Giao cháu P cho bà N nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc nhận định:

[1]. *Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp:* Bà Trần Thị Kim N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Hồ Văn N, có nơi cư trú tại huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “*Yêu cầu ly hôn*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về hôn nhân:* Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 57, quyển số 01 ngày 20/12/2001 của Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xác định, hôn nhân của bà Trần Thị Kim N và ông Hồ Văn N là hợp pháp. Sau khi kết hôn thì

bà N và ông N chung sống hạnh phúc, đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình của hai vợ chồng không hợp nhau nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Việc này cả ông N và bà N đều xác nhận, hai vợ chồng nhiều lần tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không được; mỗi lần vợ chồng gặp nhau là cãi nhau nên không thể nói chuyện được với nhau. Hiện nay ông N và bà N đã sống ly thân hơn một năm nay không còn quan hệ gì về mặt tình cảm cũng như kinh tế. Bà N yêu cầu ly hôn thì ông N không đồng ý ly hôn vì vẫn còn thương yêu bà N.

[3] Qua xác minh cho thấy, trong thời gian ông N và bà N chung sống tại địa P thì ông N và bà N xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, từ đầu năm 2018 đến nay, bà N và ông N sống ly thân không còn quan hệ gì về mọi mặt. Nay bà N yêu cầu ly hôn thì đề nghị Tòa án căn cứ theo các quy định của pháp luật để giải quyết, vì hiện nay vợ chồng đã không còn sống chung với nhau một thời gian dài.

[4] Xét thấy mâu thuẫn giữa bà Trần Thị Kim N và ông Hồ Văn N đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng thực sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N đối với ông N.

[5]. *Về con chung*: Bà Trần Thị Kim N và ông Hồ Văn N có 02 con chung là Hồ Văn T, sinh ngày: 21/11/2000 và Hồ Ngọc P, sinh ngày: 05/12/2010. Cháu T đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét. Riêng cháu P đang ở với bà N, ông N đồng ý giao cháu P cho bà N nuôi dưỡng và cháu P cũng có nguyện vọng ở cùng với bà N nên thiết nghĩ giao cháu P cho bà N nuôi dưỡng là phù hợp và đảm bảo sự phát triển toàn diện của con, theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình. Về yêu cầu cấp dưỡng, bà N không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi cháu P nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. *Về tài sản chung*: Bà Trần Thị Kim N và ông Hồ Văn N thống nhất để bà N và ông N tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. *Về nợ chung*: Bà Trần Thị Kim N và ông Hồ Văn N thống nhất không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8]. *Về án phí*: Bà Trần Thị Kim N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy
ban thường vụ Quốc hội, Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim N, bà N
được ly hôn với ông Hồ Văn N.

2. *Về con chung*: Bà Trần Thị Kim N và ông Hồ Văn N có hai con chung là Hồ
Văn T, sinh ngày: 21/11/2000 và Hồ Ngọc P, sinh ngày: 05/12/2010. Cháu T đã
trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét. Bà N được quyền trực tiếp nuôi
dưỡng cháu Hồ Ngọc P, sinh ngày: 05/12/2010. Bà N không yêu cầu ông N phải cấp
dưỡng nuôi cháu P nên tạm thời ông N không phải cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về tài sản chung*: Bà Trần Thị Kim N và ông Hồ Văn N tự thỏa thuận, không
yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. *Về nợ chung*: Bà Trần Thị Kim N và ông Hồ Văn N không có nợ chung và
không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. *Về án phí*: Bà Trần Thị Kim N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng)
án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp
là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) bà N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án
phí số 0003070 ngày 27 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuyên
Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bà Trần Thị Kim N đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

6. *Về quyền kháng cáo*: Trong hạn 15 ngày, đương sự được quyền kháng cáo
bản án kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét
xử phúc thẩm.

Nơi nhân:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc;
- Chi cục Thi hành án dân sự H.Xuyên Mộc;
- Đương sự;
- Lưu Hồ sơ, Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy

